

Số: 16/2021/QĐST-KDTM

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLST- KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH M;

Địa chỉ: Số 02, đường P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê T - Chức vụ: Giám đốc;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Vũ L, ông Nguyễn Q và bà Nguyễn H

Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH L - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: P2411, Tòa nhà F, 47 T, quận X, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Y;

Địa chỉ: Số 208 T, tổ 35, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma K, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô V và ông Vũ B - Chuyên viên pháp lý thuộc Công ty luật TNHH MTV C- Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: Khu dân cư T, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đàm C - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C - Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: Khu dân cư T, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền khai thác và chuyển nhượng mỏ cát vàng ngày 03/4/2019; Hợp đồng hợp tác khai thác khoáng sản số 05042019/HĐHTKTKS-YH/LT.M ngày 05/4/2019; Hợp đồng hợp tác khai thác khoáng sản số

05042019/HĐHTKTKS-YH/LT.M ngày 12/4/2019 đã ký kết giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH MTV Y;

2.2. Công ty TNHH MTV Y có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Trong đó, có 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) tiền ký quỹ bảo vệ môi trường.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu: Hoàn trả tiền thuê mặt nước cho Công ty TNHH M số tiền là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng); giải quyết hậu quả thiệt hại phát sinh do đóng con tàu để phục vụ cho việc khai thác cát với giá trị là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất của số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) theo đơn khởi kiện.

2.4. Về án phí: Công ty TNHH MTV Y phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Công ty TNHH M phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.817.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng) tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000379 ngày 14/5/2020 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000591 ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Trả lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí còn lại là 23.817.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng). Công ty TNHH M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang

